

Bản án số: 56/2018/HS-ST
Ngày 19/7/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Phương;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Nguyên Thoại;

Ông Lục Văn Văn;

Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Khánh Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 32/2018/TLST- HS ngày 13 tháng 4 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/QĐXXST- HS ngày 05 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Lục Thị T1 - sinh ngày 02/10/1997 tại Lào Cai;

Nơi cư trú: Tổ 16, phường B, thành phố L; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lục Văn T – sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1977. Địa chỉ: Tổ 16, phường B, thành phố L; Bị cáo chưa có chồng, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2017 đến ngày 12/02/2018. Hiện bị cáo đang được tại ngoại bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Văn T2 – sinh ngày 20/4/1990 tại B, Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn C, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn D – sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị O sinh năm 1965. Hiện cùng trú tại: Thôn C, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2017

đến ngày 12/02/2018. Hiện bị cáo đang được tại ngoại bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn T3 – sinh ngày 20/10/1997 tại B, Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Phạm Thị T sinh năm 1980. Hiện trú tại: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2017 đến ngày 12/02/2018. Hiện bị cáo đang được tại ngoại bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

* Những người làm chứng:

- Nguyễn Bá L – Địa chỉ: Tổ 15, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai. vắng mặt tại phiên tòa.

- Đặng Quang H – Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. vắng mặt tại phiên tòa.

- Trần Thị A - Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. vắng mặt tại phiên tòa.

- Lò Ái H - Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu. vắng mặt tại phiên tòa.

- Hà Thị L – Địa chỉ: Bản M, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu. vắng mặt tại phiên tòa.

- Lê Ngọc L – Địa chỉ: Tổ 12, phường L, thành phố L. vắng mặt tại phiên tòa.

- Lê Văn T4 – Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18h ngày 20/12/2017, Lê Ngọc L (Sinh năm 1995; trú tại tổ 12, phường L, thành phố L) cùng Lê Văn T (Sinh năm 1994; trú tại xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái) đang thuê phòng 405 và 407 khách sạn V, L và T4 nảy sinh ý định mua dâm nên Lê Ngọc L đã dùng số điện thoại có số thuê bao 0966.455.525 gọi điện và nhắn tin đến số điện thoại 0961.613.889 của bị cáo Lục Thị T1 mục đích hỏi tìm hai gái bán dâm qua đêm. Qua gọi điện và nhắn tin bị cáo Lục Thị T1 đã đồng ý với Lê Ngọc L sẽ đưa hai gái bán dâm đến Khách sạn V với giá tiền mua dâm Lê Ngọc L phải trả cho bị cáo Lục Thị T1 là 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*) hai người. Sau đó bị cáo Lục Thị T1 nói với bị cáo Phạm Văn T2 hiện đang sống như vợ chồng với bị cáo Lục Thị T1 tại số nhà 133, đường Đ, phường Na, thành phố L là “*Lên đường Lương Khánh Thiện đón hai gái bán dâm cho khách*”, bị cáo Phạm Văn T2 đồng ý. Khoảng 21 giờ cùng ngày bị cáo Phạm Văn T2 điều khiển xe ô tô BKS 24A-01132 chở bị cáo Lục Thị T1 và chị Trần Thị A (là bạn của bị cáo Phạm Văn T và bị cáo Lục Thị T1), đi đến quán bán cà phê tại số nhà 306 đường L, thuộc tổ 18, phường D, thành phố L. Đến nơi bị cáo Phạm Văn T2 vào gặp bị cáo Nguyễn Văn T3 (Sinh năm 1997, trú tại thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai) là chủ quán thỏa thuận về việc cho Lò Ái H là nhân viên

của quán đi bán dâm qua đêm. Do chưa biết giá bán dâm qua đêm bao nhiêu tiền, nên bị cáo Nguyễn Văn T3 gọi điện hỏi anh Đặng Quang H (Sinh năm 1991; trú tại thôn C, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc) và được Đặng Quang H trả lời khoảng 1.700.000 đồng (*Một triệu bảy trăm nghìn đồng*). Sau đó bị cáo Nguyễn Văn T3 nói với bị cáo Phạm Văn T2 là giá 1.600.000 đồng (*Một triệu sáu trăm nghìn đồng*) và bị cáo Phạm Văn T2 đồng ý và bảo Lù Ái H lên xe ô tô đi cùng Phạm Văn T2, sau đó Phạm Văn T2 điều khiển xe đến quán bán cả phê tại số nhà 062 đường Lê Văn H, thuộc tổ 17, phường D, thành phố L vào nhà gặp Nguyễn Thế A (Sinh năm 1974, trú tại tổ 9, phường P, thành phố L) là chủ quán hỏi đưa Hà Thị L (Sinh năm 1993, trú tại Bán M, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu) là nhân viên bán quán cho Nguyễn Thế A đi bán dâm qua đêm, giá bao nhiêu tiền, Nguyễn Thế A trả lời 1.600.000 đồng (*Một triệu sáu trăm nghìn đồng*), Phạm Văn T2 đồng ý và Trần Thị Minh P (Sinh năm 1982; trú tại tổ 9, phường P, thành phố L) đang ở cùng Nguyễn Thế A bảo Hà Thị L lên xe đi cùng Phạm Văn T2 đến khách sạn V để bán dâm. Khi đến Khách sạn V, Lục Thị T1 đưa Lù Ái H lên phòng 405 bán dâm cho Lê Ngọc L, tại phòng 405 Lê Ngọc L trả 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*) tiền mua dâm Lù Ái H và Hà Thị L cho Lục Thị T1 như đã thỏa thuận trước đó. Nhận được tiền Lục Thị T1 trả cho Lù Ái H 1.600.000 đồng (*Một triệu sáu trăm nghìn đồng*), trong đó có 100.000 đồng là tiền riêng của Lục Thị T1 đem theo từ nơi ở, rồi Lục Thị T1 đưa Hà Thị L vào phòng 407 để bán dâm cho Lê Văn T4. Sau đó Lục Thị T1 đi xuống xe cắt vào ví của Phạm Văn T2 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*), giữ lại 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) rồi cùng Phạm Văn T2 và Trần Thị A đi về phòng trọ.

Đến 22h 30 phút ngày 20/12/2017, tổ công tác đội Cảnh sát hình sự Công an thành phố L kiểm tra hành chính tại khách sạn V thuộc tổ 5, phường B, thành phố L do Nguyễn Bá L (Sinh năm 1969; trú tại tổ 15, phường B, thành phố L) là chủ Nhà nghỉ. Quá trình kiểm tra phát hiện bắt quả tang Lê Ngọc L và Lù Ái H có hành vi mua, bán dâm tại phòng nghỉ 405; Lê Văn T4 và Hà Thị L có hành vi mua bán dâm tại phòng 407. Vật chứng thu giữ tại phòng 405 gồm 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu FANG LING CONDOM màu hồng đã qua sử dụng, 01 chiếc bao cao su đã qua sử dụng, 05 bao cao su nhãn hiệu FANG LING CONDOM chưa sử dụng; tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 3.820.000 đồng (được đựng trong 01 túi xách giả da có 02 ngăn, trong đó ngăn thứ nhất có số tiền 1.600.000 đồng, ngăn thứ 02 có số tiền 2.220.000 đồng), 01 điện thoại di động Iphone 6 S 16G đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus đã qua sử dụng. Vật chứng thu giữ tại phòng 407 gồm: 05 chiếc bao cao su chưa qua sử dụng nhãn hiệu S.WM có chữ nước ngoài, 01 quyển sổ thông hành mang tên Hà Thị Lươi, 42 đồng tiền Trung Quốc, 353.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động NOKIA 3310 đã qua sử dụng

Quá trình điều tra thu giữ của Phạm Văn T2 01 xe ô tô hiệu Hyundai Accent biển kiểm soát 24A-011.32, tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 3.500.000 đồng; thu giữ của Lục Thị T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus đã qua sử dụng, tiền Ngân

hàng Nhà nước Việt Nam 1.000.000 đồng và 01 USB lưu giữ hình ảnh Camera của Khách sạn V.

Cáo trạng số 29/CT-VKS ngày 06/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai truy tố các bị cáo Lục Thị T1, Phạm Văn T2 về tội "môi giới mại dâm" theo điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự 2015; truy tố bị cáo Nguyễn Văn T3 về tội "môi giới mại dâm" theo khoản 1 điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lục Thị T1, Phạm Văn T2, Nguyễn Văn T3 phạm tội "Môi giới mại dâm".

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1 điều 51, điều 17, điều 58 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Lục Thị T1 từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù giam.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm s, t khoản 1, 2 điều 51; điều 54; điều 17; điều 58; điều 65 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T2 từ 02 năm 06 tháng đến 03 tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách 05 năm đối với bị cáo

Áp dụng khoản 1 Điều 328; điểm s khoản 1, 2 điều 51; điều 17; điều 58; điều 65 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T3 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, ấn định thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm.

Áp dụng khoản 5 điều 255 Bộ luật hình sự 1999 phạt bị cáo Lục Thị T1, Phạm Văn T2 từ 3 triệu đến 4 triệu đồng; phạt bị cáo Nguyễn Văn T3 1 triệu đến 2 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 điều 47 BLHS 2015, điểm a khoản 2 Điều 106 – BLTTHS tịch thu tiêu hủy: 01 bao cao su, 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu "Fang Ling Condom" đã qua sử dụng; 10 bao cao su chưa sử dụng; 01 sim vietel của bị cáo Thảo; 01 thẻ USB

Tịch thu số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) để sung quỹ nhà nước;

Tiếp tục tạm giữ số tiền 100.000 đồng để đảm bảo cho công tác thi hành án

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus của bị cáo Thảo để đảm bảo thi hành án;

Tuyên án phí và quyền kháng cáo đối với các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các

bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo Lục Thị T1, Phạm Văn T2, Nguyễn Văn T3 đã khai nhận tội, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng và các tang vật thu giữ. Ngày 20/12/2017 bị cáo Lục Thị T1, Phạm Văn T2, Nguyễn Văn T3 đã có hành vi môi giới mại dâm, đưa Hà Thị L và Lù Ái H đến mua bán dâm cho Lê Văn T4 và Lê Ngọc L tại các phòng 407; 405 khách sạn V, địa chỉ tổ 15, phường B, thành phố L. Đây là vụ án đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, không có sự phân công bàn bạc cụ thể giữa các bị cáo.

Đối với bị cáo Lục Thị T1 là người khởi xướng, ngày 20/12/2017 sau khi thỏa thuận với Lê Ngọc L về việc tìm hai gái bán dâm đưa đến Khách sạn V, bị cáo đã rủ bị cáo Phạm Văn T2 và cũng trực tiếp đi tìm gái bán dâm cho Lê Ngọc L để hưởng lợi số tiền 2.800.000 đồng và đồng thời cũng là người trực tiếp giao dịch, thỏa thuận về giá cả mua bán dâm, đưa hai gái bán dâm là Lù Ái H và Hà Thị L lên giao cho L và nhận 6.000.000đ của L, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án này.

Đối với bị cáo Phạm Văn T2 sau khi được bị cáo Lục Thị T1 bảo cùng đi tìm gái bán dâm cho khách Phạm Văn T2 đã trực tiếp điều khiển xe ô tô BKS 24 A - 011.32 chở bị cáo Lục Thị T1 nên số nhà 306 đường L thỏa thuận với Nguyễn Văn T3 cho Lù Ái H đi bán dâm và đến số nhà 062 đường Lê Văn H thỏa thuận với Nguyễn Thế A cho Hà Thị L đi bán dâm để hưởng lợi cùng với bị cáo Lục Thị T1 số tiền 2.800.000 đồng, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm đồng phạm với vai trò thứ hai trong vụ án.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T3 ngày 20/12/2017 khi được bị cáo Phạm Văn T2 đến nhà hỏi và thỏa thuận cho Lù Ái H đi bán dâm, Nguyễn Văn T3 đã cho Lù Ái H đi cùng Phạm Văn T2 để bán dâm qua đêm với giá 1.600.000 đồng, bị cáo được hưởng lợi 800.000 đồng, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm đồng phạm trong vụ án.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ xác định hành vi của các bị cáo Lục Thị T1, Phạm Văn T2, Nguyễn Văn T3 đã đủ yếu tố cấu thành tội “môi giới mại dâm”. Tội phạm được quy định tại khoản 1 ; điểm đ khoản 2 điều 328 Bộ luật hình sự 2015. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai truy tố bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là có căn cứ.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, đạo đức xã hội, ảnh hưởng đến sức khỏe con người và là một trong các nguyên nhân lây bệnh xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa, làm suy thoái đạo đức lối sống, gây mất trật tự trị an trên địa bàn thành phố Lào Cai. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải có mức hình phạt thật nghiêm khắc đối với các bị cáo mới có tác dụng phòng ngừa, răn đe.

Đối với bị cáo Lục Thị T1, bị cáo là người có nhận thức, hiểu biết pháp luật nhưng lại là người trực tiếp thực hiện các hành vi giao dịch, thỏa thuận với L, đi cùng

Thắng trực tiếp tìm gái bán dâm, dẫn Lù Ái H và Hà Thị L lên phòng cho L và T4, nhận tiền từ L và phân chia tiền khi nhận được tiền do người mua dâm thỏa thuận, bị cáo là người khởi xướng mọi giới bán dâm và là người trực tiếp cầm tiền do khách mua dâm trả, do vậy bị cáo T1 là người phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án, cần cách ly các bị cáo ra đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức cải tạo giáo dục đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Phạm Văn T2 bản thân không trực tiếp giao dịch mà do bị cáo ở cùng với bị cáo T1 như vợ chồng trong cùng phòng trọ, khi bị cáo T1 bảo lái xe đưa đi tìm gái bán dâm thì bị cáo T2 là người đã lái xe lên đường L đi cùng bị cáo T1 tìm gái bán dâm. Sau khi đến quán cafe của Nguyễn Văn T3 tại số nhà 306 đường L thỏa thuận với T3 cho Lù Ái H đi bán dâm và đến quán cafe tại số 062 đường Lê Văn H thỏa thuận với Nguyễn Thế A cho Hà Thị L đi bán dâm. Sau khi giao dịch và thống nhất giá cả, bị cáo T2 đi cùng bị cáo T1 đưa Hà Thị L và Lù Ái H về khách sạn V. Khi đến khách sạn, T2 không trực tiếp nhận tiền cũng như giao dịch giá cả, dẫn khách bán dâm lên các phòng cho L và T4. Mà các hành vi của T2 đều do bị cáo T1 chỉ đạo, xúi giục bị cáo T2 không trực tiếp được hưởng lợi nhuận từ số tiền bán dâm đó. Ngoài ra, bị cáo Phạm Văn T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, chưa có tiền án tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành thật khai báo, ăn năn với hành vi phạm tội của mình, trong thời gian bị cáo được áp dụng biện pháp bảo lãnh bị cáo đã giúp đỡ cơ quan điều tra phát hiện tội phạm. Đối với bị cáo Nguyễn Văn T3 là chủ quán cafe, sau khi bị cáo T2 vào tìm gái bán dâm, do hám lời nên bị cáo đã cho Lù Ái H là nhân viên phục vụ của quán bị cáo đi bán dâm, do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình. Bản thân bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành thật khai báo, ăn năn với hành vi phạm tội của mình. Do vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo Phạm Văn T2 và Nguyễn Văn T3 ra khỏi đời sống xã hội, xã hội mà chỉ cần giao các bị cáo cho UBND xã phường nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng đủ sức răn đe, phòng ngừa và cải tạo các bị cáo thành công dân tốt cho xã hội.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thật thà khai báo hành vi phạm tội của mình, nên cần áp dụng điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo Phạm Văn T2 có ông, bà nội là Phạm Văn T và Lê Thị N được tặng thưởng huân chương kháng chiến chống Mỹ, ngoài ra bị cáo còn có thành tích giúp đỡ cơ quan điều tra phát hiện tội phạm, nên cần áp dụng điểm t khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bị cáo Nguyễn Văn T3 có bà ngoại là Nguyễn Thị M được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ, nên cần áp dụng khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự 2015 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo cần thiết phải phạt bổ sung, tuy nhiên do khoản 4 điều 328 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có mức phạt bổ sung cao hơn so với có mức phạt bổ sung quy định tại khoản 5 điều 255 Bộ luật Hình sự 1999. Do vậy cần áp dụng tình tiết có lợi cho các bị cáo quy định tại khoản 5 điều 255 Bộ luật Hình sự 1999 phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án: Đối với 01 bao cao su, 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Fang Ling Condom” đã qua sử dụng; 10 bao cao su; 01 sim Viettel; 01 thẻ USB không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.”;

Đối với 6.000.000 đồng trong số tiền 6.100.000 đồng là số tiền do phạm tội mà có cần tịch thu sung quỹ nhà nước là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus là phương tiện dùng vào việc phạm tội của bị cáo Thảo cần tịch thu sung công quỹ nhà nước. Đối với số tiền 100.000 đồng thu giữ của bị cáo xét thấy bị cáo còn phải thi hành khoản tiền án phí nên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Đối với Nguyễn Thế A, Trần Thị Minh P là người đã môi giới cho Hà Thị L đi bán dâm. Quá trình điều tra Nguyễn Thế A, Trần Thị Minh P không có mặt tại địa phương. Vì vậy sẽ tiếp tục điều tra để xử lý sau.

[8] Đối với Lê Văn T4, Lê Ngọc L, Lù Ái H và Hà Thị L đã có hành vi mua, bán dâm nhưng không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Công an thành phố Lào Cai đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Lê Văn T4, Lê Ngọc L mỗi người với số tiền 750.000 đồng; đối với Lù Ái H và Hà Thị L mỗi người với số tiền 200.000 đồng là đúng quy định pháp luật.

[9] Đối với anh Nguyễn Bá L là chủ khách sạn V đã có hành vi vi phạm “Thiếu tinh thần trách nhiệm để xảy ra hoạt động mua, bán dâm ở cơ sở do mình quản lý” Công an thành phố Lào Cai đã đề nghị UBND thành phố L xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 17.500.000 đồng là đúng quy định pháp luật.

[10] Đối với chị Trần Thị A đi cùng Lục Thị T1, Phạm Văn T2 nhưng không biết việc thực hiện hành vi phạm tội của Lục Thị T1, Phạm Văn T2 nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

[11] Đối với ông Phạm Văn D đã cho bị cáo Phạm Văn T2 mượn chiếc xe ô tô BKS 24A-001.132. Nhưng ông không biết việc bị cáo Phạm Văn T2 sử dụng vào mục đích phạm tội nên không đề cập xử lý.

[12] Đối với Đặng Quang H đã được bị cáo Nguyễn Văn T3 hỏi về giá tiền bán dâm qua đêm. Nhưng anh không biết mục đích hỏi của bị cáo T3 để thực hiện hành vi môi giới mại dâm nên không đề cập xử lý là đúng quy định.

[13] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 điều 328; điểm s khoản 1 điều 51; điều 17; điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Lục Thị T1 phạm tội “Môi giới mại dâm”.

Xử phạt bị cáo Lục Thị T1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, khấu trừ cho bị cáo 23 ngày bị tạm giam, tạm giữ. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt tù là 03 năm 05 tháng 07 ngày tù.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 điều 328; điểm s, t khoản 1, 2 điều 51; điều 54; điều 17; điều 58; điều 65 bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T2 phạm tội “Môi giới mại dâm”.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T2 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ vào khoản 1 điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 17; điều 58; điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T3 phạm tội “Môi giới mại dâm”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T3 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 5 điều 255 Bộ luật Hình sự 1999 phạt bị cáo Lục Thị T1 4.000.000 đồng ; phạt bị cáo Phạm Văn T2 4.000.000 đồng; phạt bị cáo Nguyễn Văn T3 2.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành khoản tiền phạt sung quỹ Nhà nước. Nếu các bị cáo không thi hành xong khoản tiền phạt thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự 2015; khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 bao cao su, 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu “Fang Ling Condom” đã qua sử dụng; 05 bao cao su chưa sử dụng nhãn hiệu “Fang Ling Condom”; 05 bao cao su chưa sử dụng nhãn hiệu “SWM” 01 sim vietel; 01 thẻ nhớ USB nhãn hiệu Colortan TM2-160323007.

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) và 01 điện thoại Iphone 6 Plus số Imei: 359387068450397 bên trong có gắn 01 sim viettel thu giữ của bị cáo Lục Thị T1.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 100.000 đồng của bị cáo để đảm bảo công tác thi hành án.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 13 tháng 4 năm 2018).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSTP;
- Công an TP 3;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- T.H.A 2;
- Lưu

Nguyễn Thị Lan Phương